

Số: **2912**/BCT-CN Ng  
V/v cung cấp thông tin về  
xuất khẩu khoáng sản tồn  
kho của các doanh nghiệp

Hà Nội, ngày 04 tháng 4 năm 2013

Kính gửi: Bộ Tài chính

Phúc đáp công văn số 3754/BTC-CST ngày 27 tháng 3 năm 2013 của quý Bộ về việc cung cấp thông tin hướng dẫn xuất khẩu khoáng sản tồn kho theo Thông báo số 407/TB-VPCP ngày 17 tháng 12 năm 2012 của Văn phòng Chính phủ, Bộ Công Thương có ý kiến như sau:

Trên cơ sở ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ (tại văn bản số 407/TB-VPCP ngày 17 tháng 12 năm 2012 của Văn phòng Chính phủ) Bộ Công Thương đã có công văn số 12397/BCT-CN Ng ngày 21 tháng 12 năm 2012 gửi Ủy ban nhân dân các tỉnh hướng dẫn thành lập Đoàn kiểm tra khoáng sản tồn kho và hồ sơ đề nghị xuất khẩu khoáng sản của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Đến nay, Bộ Công Thương đã nhận được công văn đề nghị của một số địa phương và đã giải quyết xuất khẩu khoáng sản tồn kho cho các địa phương sau: Lào Cai, Bình Thuận, Phú Thọ, Nghệ An, Thừa Thiên Huế, Quảng Bình, Sơn La, Quảng Nam, Thái Nguyên, Bình Định và Quảng Trị.

*(Danh sách doanh nghiệp và số lượng, chất lượng khoáng sản xuất khẩu kèm theo)*

Trên đây là ý kiến của Bộ Công Thương, đề nghị quý Bộ hướng dẫn các cơ quan liên quan triển khai thực hiện ./.

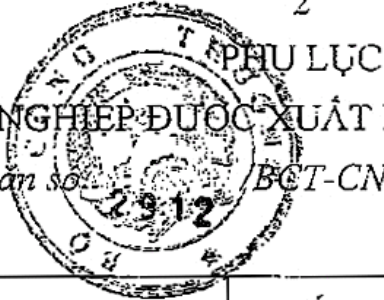
**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VT, CN Ng.

**TL. BỘ TRƯỞNG**  
**VỤ TRƯỞNG VỤ CÔNG NGHIỆP NẶNG**



Nguyễn Mạnh Quân



DOANH NGHIỆP ĐƯỢC XUẤT KHẨU KHOÁNG SẢN

(Kèm theo công văn số 2912/BCT-CNNg ngày 04 tháng 4 năm 2013)

TT	Tên doanh nghiệp - loại khoáng sản xuất khẩu	Số lượng (Tấn)	Đặc tính, chất lượng
<b>1. Tỉnh Lào Cai</b>			
1	Công ty TNHH Xây dựng Lan Anh - tỉnh quặng sắt	10.166	Hàm lượng Fe $\leq$ 50%
	Công ty TNHH Xây dựng Lan Anh - tỉnh quặng sắt	30.000	Hàm lượng Fe $\geq$ 54%
2	Công ty TNHH Xây dựng Lan Anh - tỉnh quặng sắt	41.000	Hàm lượng Fe $\geq$ 54%
	Công ty TNHH Xây dựng Lan Anh - tỉnh quặng manan	29.500	Hàm lượng Mn $\geq$ 30%
3	Tổng công ty Khoáng sản - Vinacomin - tỉnh quặng sắt	110.000	Hàm lượng Fe $\geq$ 60%
4	Công ty TNHH Toàn Thắng - tỉnh quặng sắt	22.000	Hàm lượng Fe $\geq$ 54%
5	Công ty TNHH một thành viên Apatit Việt Nam - quặng apatit	450.000	Đặc tính chất lượng quặng theo hướng dẫn tại công văn số 3436/BCT-CNNg ngày 15/4/2011 của Bộ Công Thương
<b>2. Tỉnh Bình Thuận</b>			
1	Công ty TNHH Thương mại Tân Quang Cường - tỉnh quặng ilmenit	17.888	TiO <sub>2</sub> $\geq$ 52%
2	Công ty CP Đầu tư khoáng sản và Thương mại Bình Thuận - tỉnh quặng ilmenit	14.122	TiO <sub>2</sub> $\geq$ 52%
3	Công ty CP Du lịch Sài Gòn - Hàm Tân - tỉnh quặng ilmenit	1.200	TiO <sub>2</sub> $\geq$ 52%
4	Công ty TNHH Phú Hiệp - tỉnh quặng ilmenit	95.000	TiO <sub>2</sub> $\geq$ 52%
5	Công ty CP Dương Anh - tỉnh quặng ilmenit	1.800	TiO <sub>2</sub> $\geq$ 52%
6	Công ty TNHH Khoáng sản và Thương mại dịch vụ Tấn Phát - tỉnh quặng ilmenit	1.063	TiO <sub>2</sub> $\geq$ 52%

<b>3. Tỉnh Phú Thọ</b>			
1	Công ty CP Khoáng sản luyện kim Thăng Long - tỉnh quặng sắt	175.000	Hàm lượng Fe $\geq$ 54%
2	Công ty TNHH Đầu tư kinh doanh khoáng sản Việt Phú Thọ - tỉnh quặng sắt	5.000	Hàm lượng Fe $\geq$ 54%
<b>4. Tỉnh Nghệ An</b>			
1	Công ty TNHH Ngọc Sáng - tỉnh quặng sắt	80.000	Hàm lượng Fe $\geq$ 54%
2	Công ty TNHH Bắc Sơn - tỉnh quặng manan	120.000	Hàm lượng Mn $\geq$ 13%,
	Công ty TNHH Bắc Sơn - tỉnh quặng sắt	50.000	Hàm lượng Fe $\geq$ 42%
3	Công ty TNHH Xây lắp tổng hợp Miền Trung - tỉnh quặng sắt	23.000	Hàm lượng Fe $\geq$ 54%
4	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu khoáng sản Kim Thịnh - tỉnh quặng sắt	61.000	Hàm lượng Fe $\geq$ 54%
<b>5. Tỉnh Thừa Thiên Huế</b>			
1	Công ty TNHH một thành viên Khoáng sản Thừa Thiên Huế - tỉnh quặng ilmenit	22.000	TiO <sub>2</sub> $\geq$ 52%
<b>6. Tỉnh Quảng Bình</b>			
1	Công ty CP Xuất nhập khẩu Quảng Bình - tỉnh quặng ilmenit	61.000	TiO <sub>2</sub> $\geq$ 44%
2	Công ty CP Khoáng sản Hoàng Long - tỉnh quặng ilmenit	42.000	TiO <sub>2</sub> $\geq$ 44%
<b>7. Tỉnh Sơn La</b>			
1	Công ty TNHH Tuấn Đạt - tỉnh quặng sắt	144.000	Hàm lượng Fe $\geq$ 54%
<b>8. Tỉnh Quảng Nam</b>			
1	Công ty cổ phần Khoáng sản Đất Quảng Chu Lai - tỉnh quặng ilmenit	51.000	TiO <sub>2</sub> $\geq$ 52%

9. Tỉnh Thái Nguyên			
1	Công ty CP Luyện kim đen Thái Nguyên - tinh quặng sắt	170.000	Fe ≥ 54%
2	Công ty CP Sản xuất gang Hoa Trung - tinh quặng sắt	120.000	Fe ≥ 54%
3	Công ty TNHH Vương Anh - tinh quặng sắt	93.000	Fe ≥ 54%
4	Công ty CP Ban Tích - tinh quặng ilmenit	28.000	TiO <sub>2</sub> ≥ 50%.
5	Công ty TNHH Titan Hoa Hạng Thái Nguyên - tinh quặng ilmenit	30.000	TiO <sub>2</sub> ≥ 50%.
6	Công ty TNHH Tâm Anh - tinh quặng ilmenit	20.000	TiO <sub>2</sub> ≥ 45%.
7	Công ty TNHH Xây dựng và Phát triển nông thôn Miền Núi - tinh quặng ilmenit	15.000	TiO <sub>2</sub> ≥ 50%.
8	Công ty TNHH Doanh Trí - tinh quặng ilmenit	5.000	TiO <sub>2</sub> ≥ 50%.
9	Công ty CP kim Sơn - Tinh quặng đồng	3.500	Cu ≥ 18%
10	Công ty liên doanh Kim loại màu Việt Bắc - Tinh quặng kẽm	20.000	Zn ≥ 50%
	- Tinh quặng chì	5.000	Pb ≥ 50%
10. Tỉnh Bình Định			
1	Công ty CP Khoáng sản Bình Định	34.000	TiO <sub>2</sub> ≥ 48%
2	Công ty CP Khoáng sản Biotan	23.000	TiO <sub>2</sub> ≥ 48%
3	Công ty CP Khoáng sản Sài Gòn - Quy Nhơn	60.000	TiO <sub>2</sub> ≥ 48%
4	Công ty TNHH SX&TM Khoáng sản Ban Mai	44.000	TiO <sub>2</sub> ≥ 48%
5	Công ty TNHH Khoáng sản Thành An	33.000	TiO <sub>2</sub> ≥ 48%

6	Công ty TNHH Khoáng sản Việt Dương - Bình Định	13.000	$TiO_2 \geq 48\%$
7	Công ty TNHH Mỹ Tài Bình Định	33.000	$TiO_2 \geq 48\%$
8	Công ty TNHH Phú Hiệp	95.000	$TiO_2 \geq 48\%$
9	Công ty TNHH Tấn Phát	58.000	$TiO_2 \geq 48\%$
10	Công ty TNHH TM Ánh Vy	82.000	$TiO_2 \geq 48\%$
11	Công ty TNHH Thái Phong	22.000	$TiO_2 \geq 48\%$
12	Công ty TNHH Vạn Đại	32.000	$TiO_2 \geq 48\%$
<b>11. Tỉnh Quảng Trị</b>			
1	Công ty CP Khoáng sản Quảng Trị	10.500	$TiO_2 \geq 52\%$
2	Công ty CP Kim Tín Quảng Trị	19.000	$TiO_2 \geq 52\%$
3	Công ty CP Khoáng sản Hiếu Giang	8.000	$TiO_2 \geq 52\%$
4	Công ty TNHH Thống Nhất	2.500	$TiO_2 \geq 52\%$